

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ CƠ ĐIỆN DUY HIẾU**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ CƠ ĐIỆN DUY HIẾU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DUY HIEU MECHANICAL SERVICE AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110263636

**3. Ngày thành lập:** 24/02/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Xóm 2, Thôn Quỳnh Đô, Xã Vĩnh Quỳnh, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0985447889

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(Loại trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                                                               | 4530        |
| 2.  | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4542        |
| 3.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>(Loại trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                            | 4543        |
| 4.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>-Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>-Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu<br>(Loại trừ hoạt động Bán buôn máy móc, thiết bị y tế) | 4659(Chính) |
| 5.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2592        |
| 6.  | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                                                                                                                                                                                                                                   | 2710        |
| 7.  | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2732        |
| 8.  | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2733        |
| 9.  | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2750        |
| 10. | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2790        |
| 11. | Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2813        |
| 12. | Sản xuất bị, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động                                                                                                                                                                                                                                                     | 2814        |
| 13. | Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2816        |
| 14. | Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2818        |
| 15. | Sản xuất máy thông dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2819        |
| 16. | Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2822        |
| 17. | Sản xuất máy chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2829        |
| 18. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                   | 7730        |
| 19. | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3311        |
| 20. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 3312        |
| 21. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3314        |
| 22. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3319        |
| 23. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3320        |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên   | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức           | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|------------------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ TRANG | Việt Nam  | Xóm Đông, Xã Hồng Quang, Huyện Nam Trực, Tỉnh Nam Định, Việt Nam                 | 400.000.000           | 20,000    | 036192000998                                                                                            |         |
| 2   | LƯU VĂN HIẾU     | Việt Nam  | Xóm Đông Bình Tây, Thị trấn Ninh Cường, Huyện Trực Ninh, Tỉnh Nam Định, Việt Nam | 1.600.000.000         | 80,000    | 036087013859                                                                                            |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LƯU VĂN HIẾU

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/03/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036087013859

Ngày cấp: 25/03/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Xóm Đông Bình Tây, Thị trấn Ninh Cường, Huyện Trực Ninh, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Xóm Đông Bình Tây, Thị trấn Ninh Cường, Huyện Trực Ninh, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội